

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (30/06/2026)		
	30/06/2026	31/12/2025
	Đơn vị: triệu VND	Đơn vị: triệu VND
TÀI SẢN		
Tiền mặt	1.345.396	1.879.815
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.705.396	7.405.675
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	64.631.191	60.060.285
Tiền gửi	54.511.208	50.861.793
Cho vay	10.119.983	9.198.492
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	3.669
Cho vay khách hàng	165.774.458	156.117.465
Cho vay khách hàng	167.638.466	157.840.538
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(1.864.008)	(1.723.073)
Chứng khoán đầu tư	9.760.518	9.194.007
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	194.859	194.859
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.565.659	8.399.428
Tài sản cố định	358.711	384.119
Tài sản cố định hữu hình	237.990	259.313
Nguyên giá	771.921	786.720
Giá trị hao mòn lũy kế	(533.931)	(527.407)
Tài sản cố định vô hình	120.721	124.806
Nguyên giá	750.303	726.354
Giá trị hao mòn lũy kế	(629.582)	(601.548)
Tài sản Có khác	2.250.334	1.948.478
Các khoản phải thu	682.474	514.253
Các khoản lãi, phí phải thu	1.290.703	1.156.318
Tài sản Có khác	429.798	430.548
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(152.641)	(152.641)
TỔNG TÀI SẢN	246.826.004	236.993.513
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.929.325	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	60.023.150	54.322.519
Tiền gửi của các TCTD khác	47.372.981	42.316.801
Vay các TCTD khác	12.650.169	12.005.718
Tiền gửi của khách hàng	132.331.922	133.612.797
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9.440	-
Phát hành giấy tờ có giá	8.565.489	7.534.911
Các khoản nợ khác	3.265.405	2.882.728
Các khoản lãi, phí phải trả	1.885.582	1.593.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại phải trả	7.890	7.890
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.371.933	1.281.233
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	206.124.731	198.352.955

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (30/06/2026) (tiếp theo)		
	30/06/2026	31/12/2025
	Đơn vị: triệu VND	Đơn vị: triệu VND
Vốn chủ sở hữu	40.701.273	38.640.558
Vốn của TCTD	5.723.025	5.723.025
Vốn điều lệ	5.709.900	5.709.900
Vốn khác	13.125	13.125
Quỹ của TCTD	5.397.689	5.397.689
Lợi nhuận chưa phân phối	29.580.559	27.519.844
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	40.701.273	38.640.558
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	246.826.004	236.993.513
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH CHÍNH TÀI CHÍNH		
Cam kết cho vay không hủy ngang	500.000	500.000
Bảo lãnh vay vốn	4.096.755	4.323.768
Cam kết giao dịch hối đoái	9.342.884	8.600.638
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.582.687	1.742.343
Bảo lãnh khác	1.751.906	2.288.653
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026		
	Kỳ này	Kỳ trước
	Đơn vị: triệu VND	Đơn vị: triệu VND
Thu nhập lãi và thu nhập tương tự	7.309.443	6.095.480
Chi phí lãi và chi phí tương tự	(3.322.158)	(2.172.182)
Thu nhập lãi thuần	3.987.285	3.923.298
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	570.490	444.636
Chi phí hoạt động dịch vụ	(419.353)	(307.820)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	151.137	136.816
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	405.964	430.896
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	85.514
Thu nhập từ hoạt động khác	517.178	453.164
Chi phí hoạt động khác	(464.920)	(423.681)
Lãi thuần từ hoạt động khác	52.258	29.483
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(1.703.304)	(1.541.065)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.893.340	3.064.942
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(303.543)	(278.347)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	2.589.797	2.786.595
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(529.082)	(564.626)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2.060.715	2.221.969
Lê Thị Hoài Thương Kế toán trưởng Noh Byung Mann Giám đốc NGÂN HÀNG TNHH MTV SHINHAN VIỆT NAM CHỖ KÝ ĐƯỢC ỦY QUYỀN Ngày 24 tháng 8 năm 2026		

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam ("Ngân hàng") được Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng phê duyệt ngày 24 tháng 8 năm 2026. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 5 đến trang 64. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Trách nhiệm của kiểm toán viên Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thu thập phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán. Kết luận của Kiểm toán viên Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam. Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam) CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) CHỖ KÝ ĐƯỢC ỦY QUYỀN Mai Trần Bảo Anh Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4166-2022-006-1 Đại diện theo ủy quyền Số hiệu báo cáo soát xét: HCM18768 TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026	